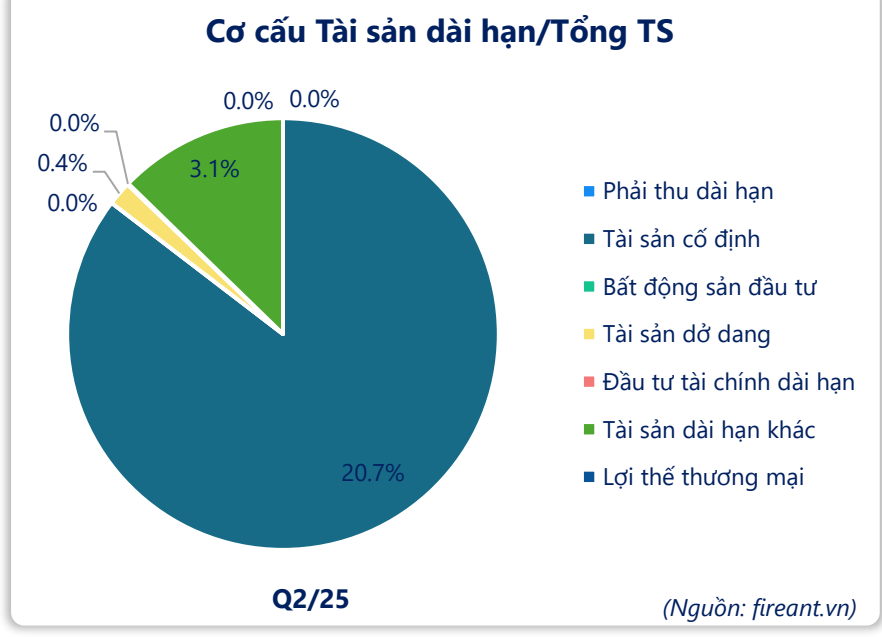
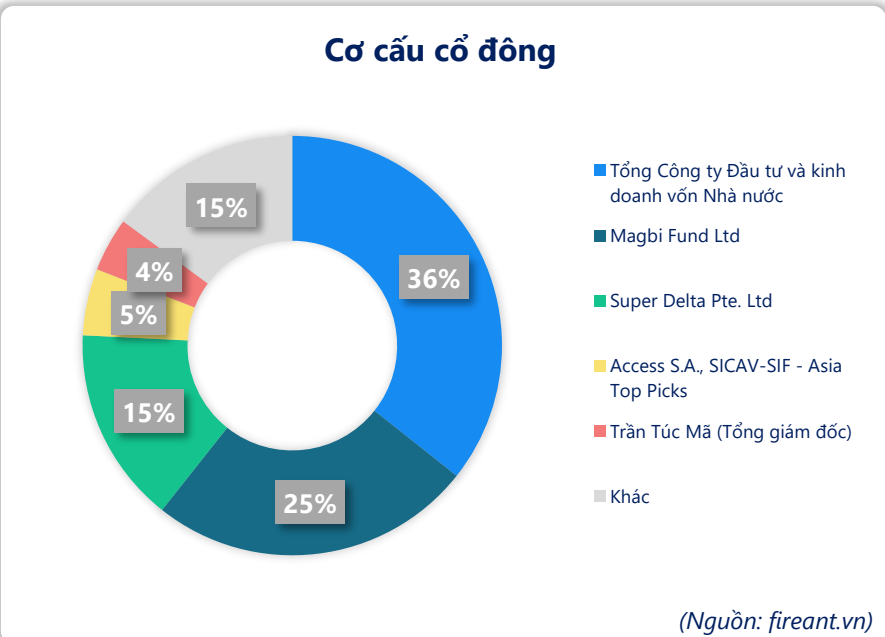
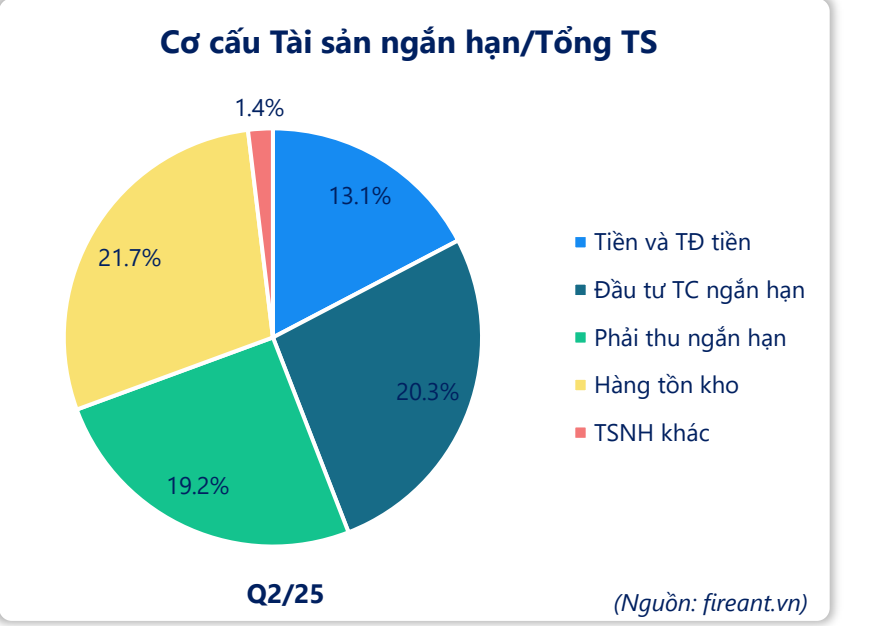
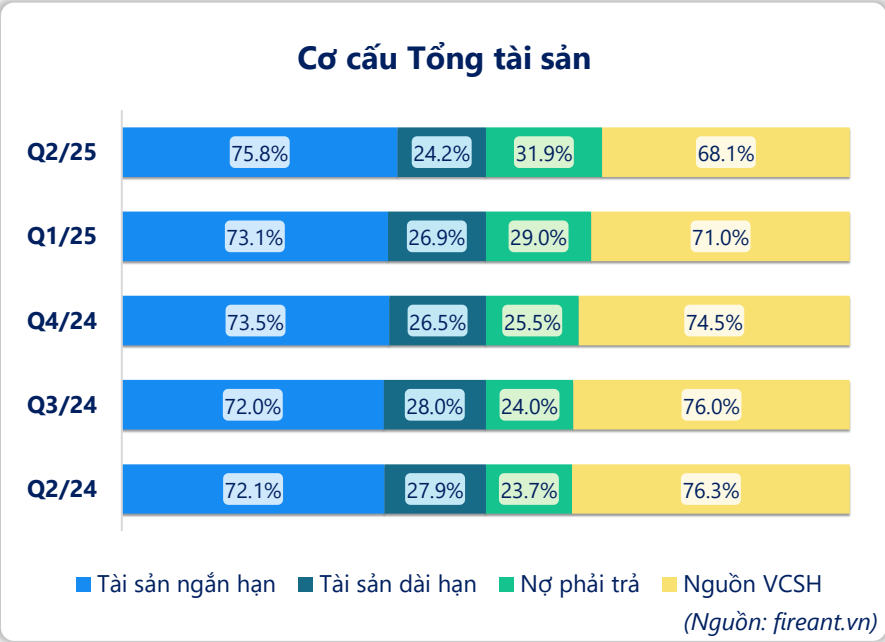
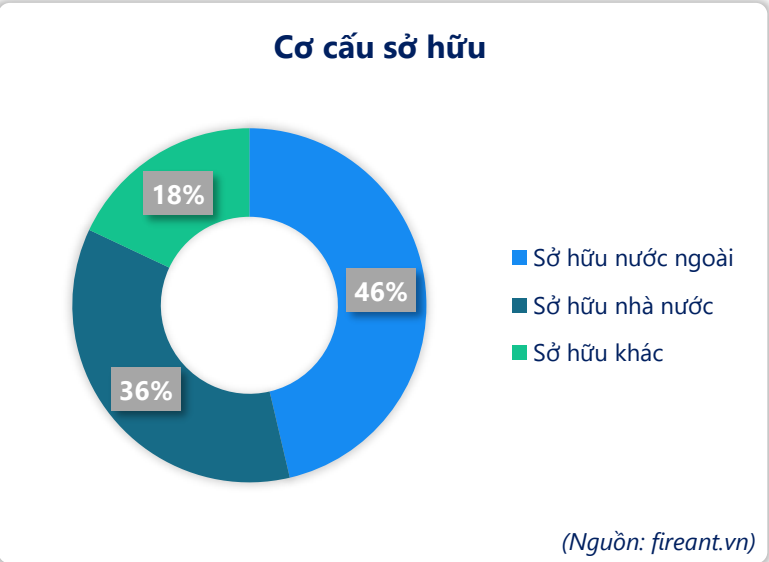
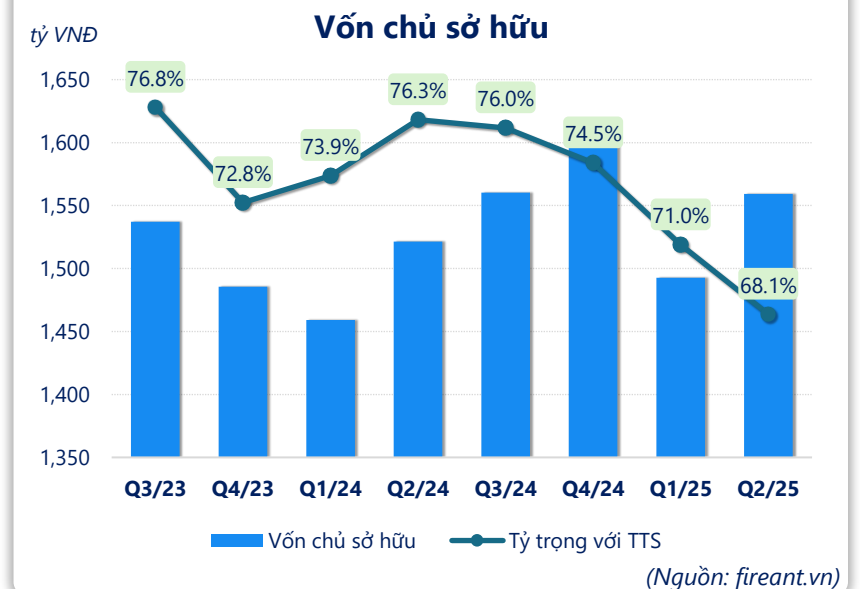
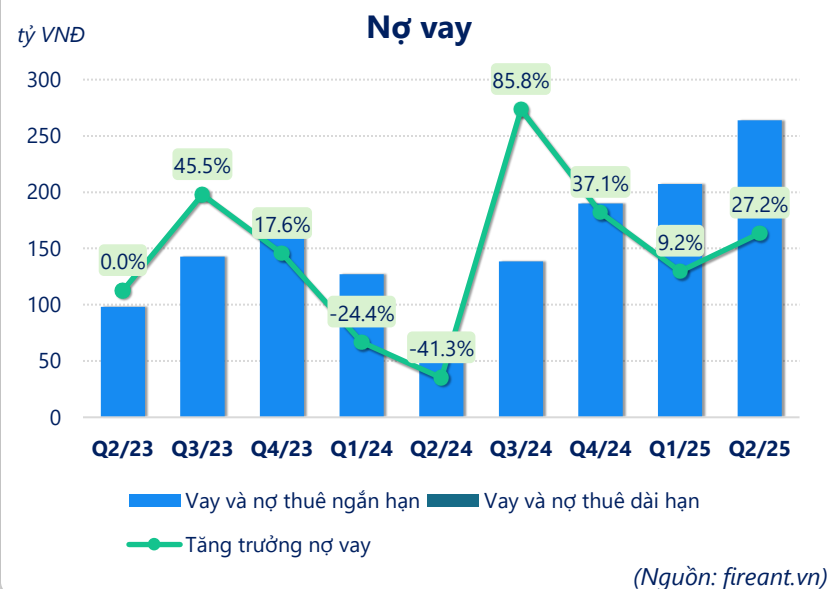
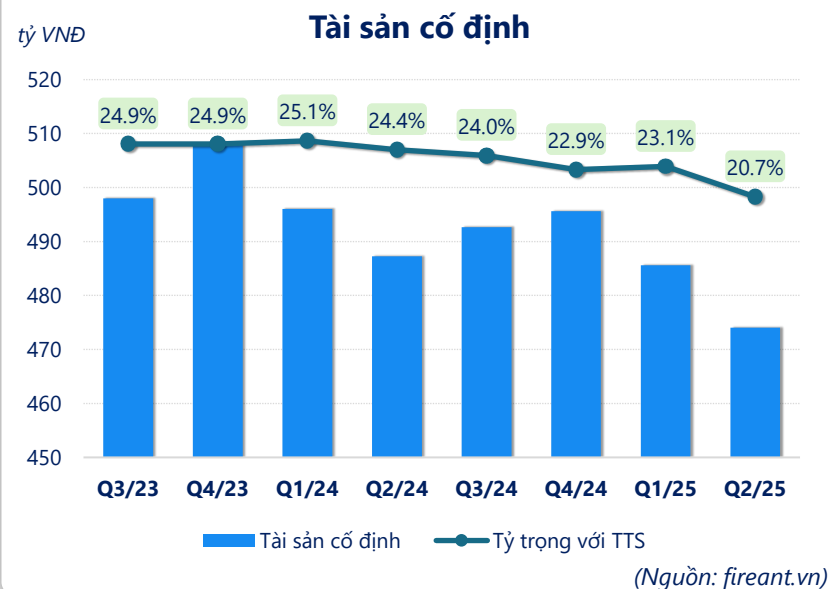
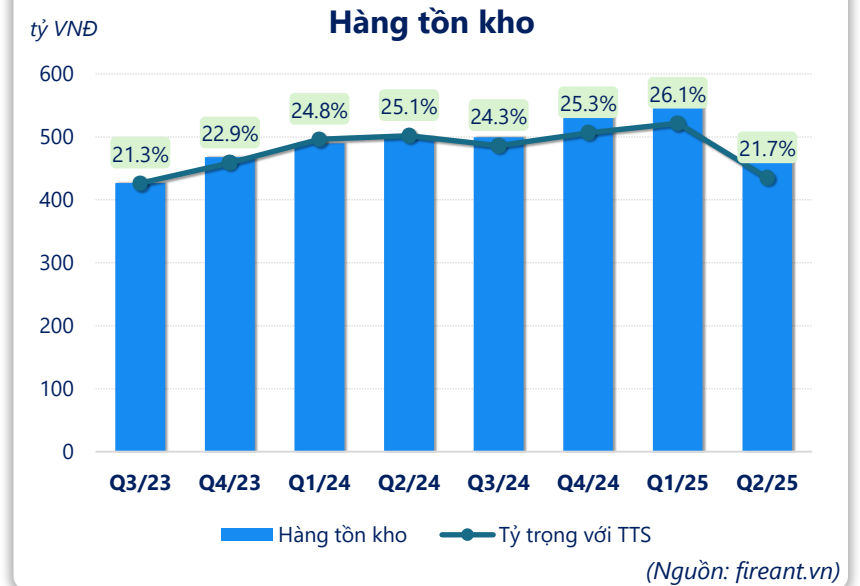
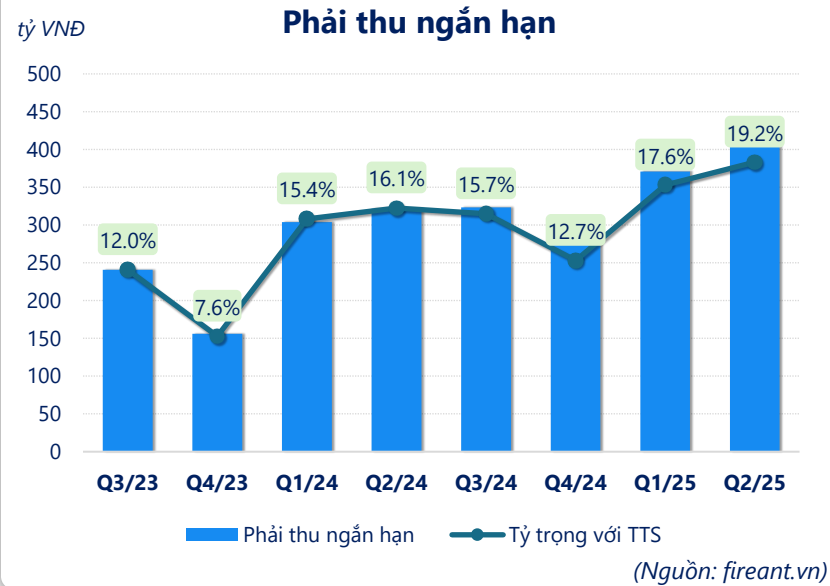
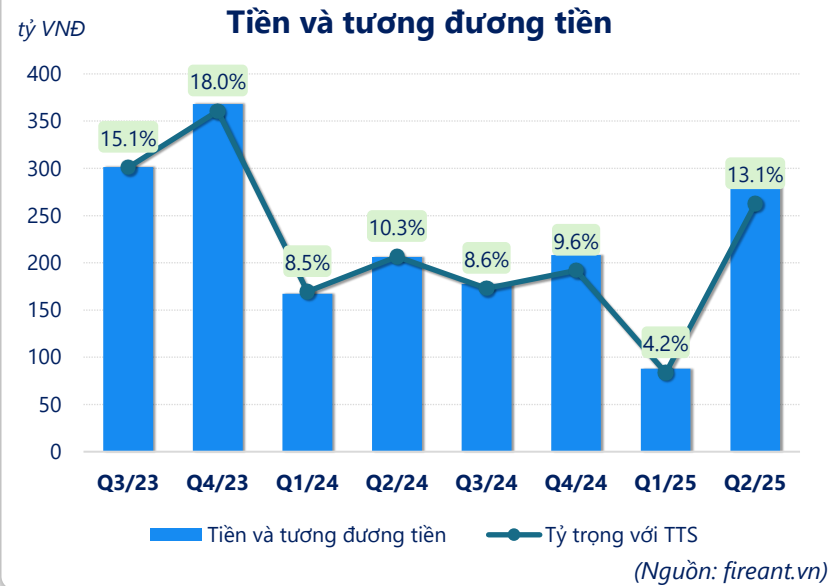
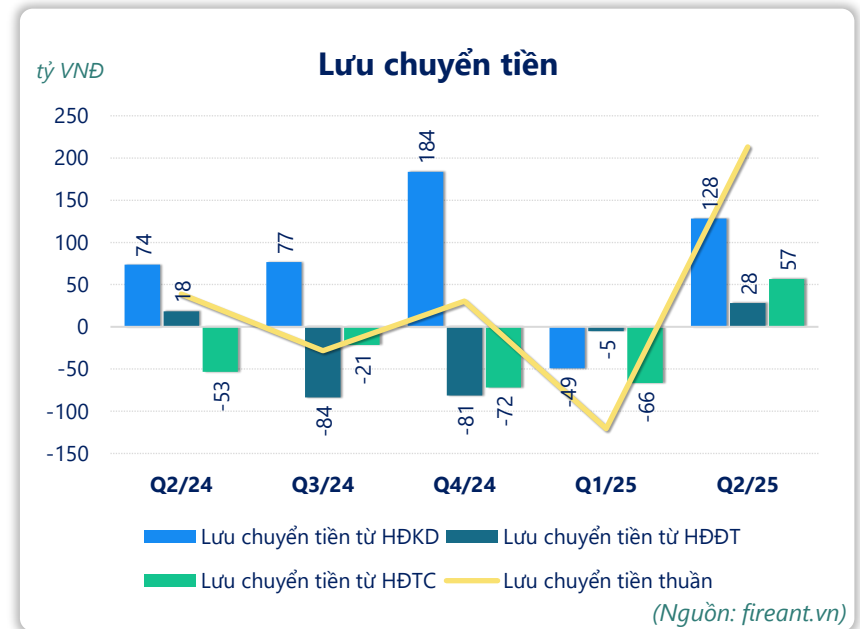
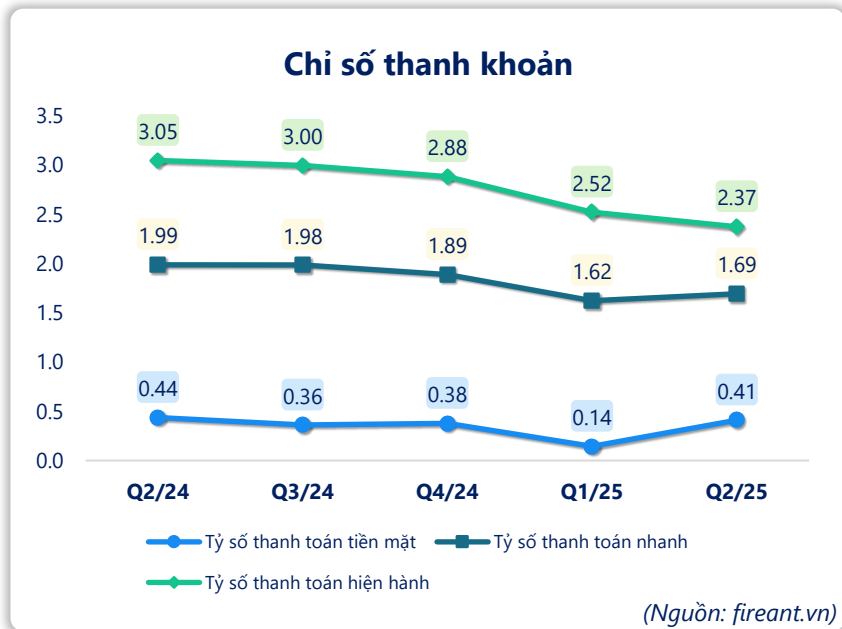
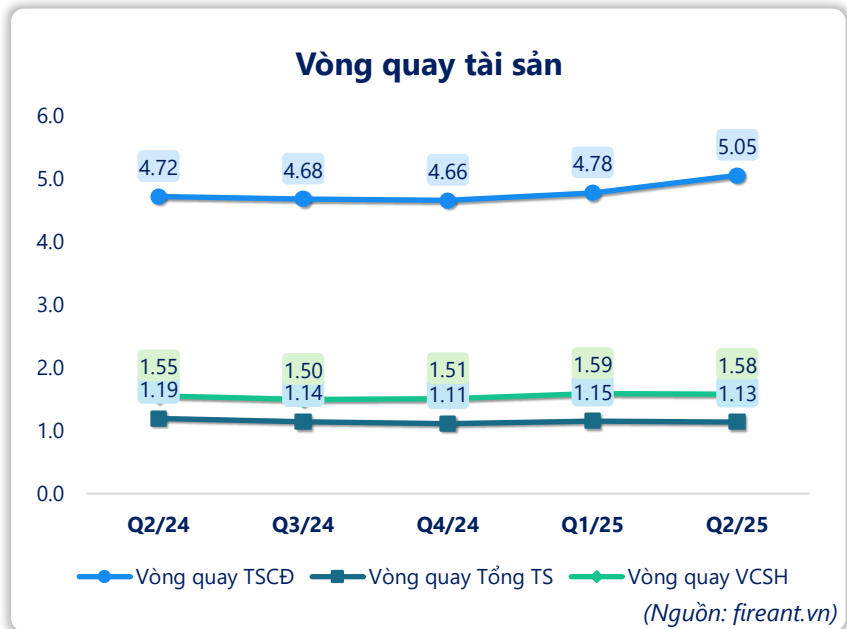
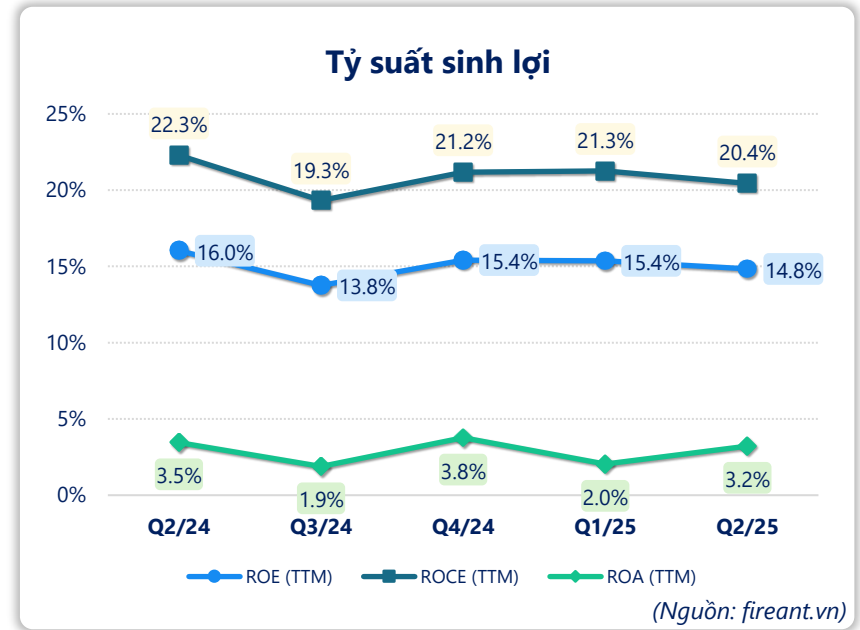
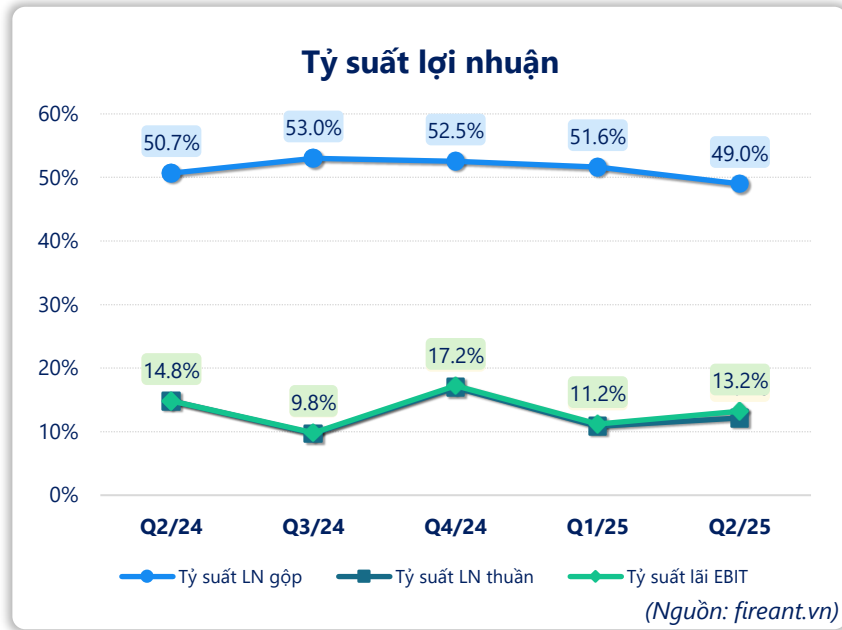
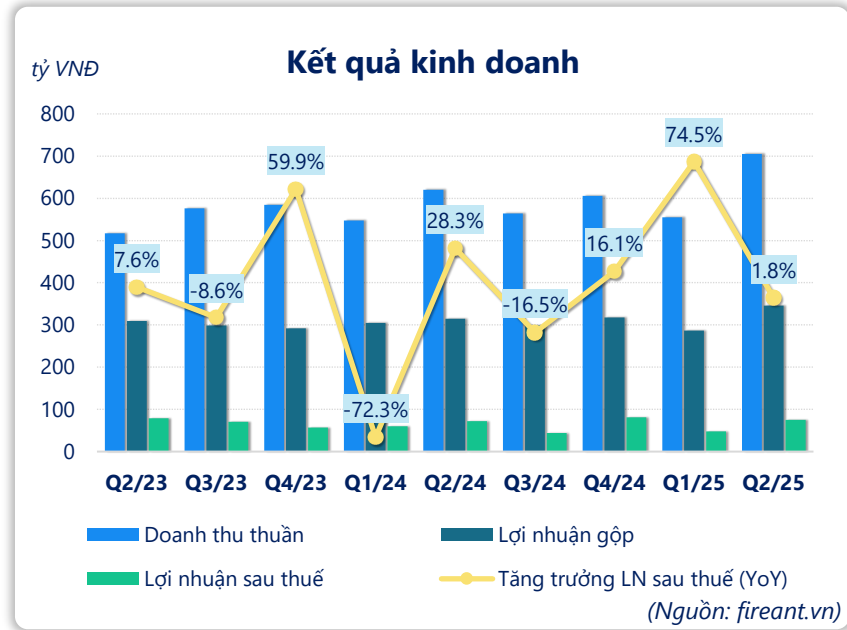


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		67,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		80,876
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		64,581
SL cổ phiếu LH		41,450,540
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,265
% sở hữu nước ngoài		46.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,798
P/E		12.2
EPS		5,512

	YTD	1T	3T	6T
TRA	-10.4%	-3.6%	-10.2%	-9.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,291	2,169	5.6%
Tài sản ngắn hạn	1,736	1,594	8.9%
Tiền và tương đương tiền	301	208	44.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	465	522	-10.9%
Phải thu ngắn hạn	439	275	59.9%
Hàng tồn kho	498	549	-9.3%
Tài sản ngắn hạn khác	33.1	40.1	-17.4%
Tài sản dài hạn	555	575	-3.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	474	496	-4.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	9.97	14.0	-28.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	70.6	64.8	8.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	731	636	14.9%
Nợ ngắn hạn	731	636	14.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	264	190	39.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	205	181	13.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,559	1,533	1.7%
Vốn chủ sở hữu	1,559	1,532	1.8%
Vốn điều lệ	415	415	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.28	0.35	-19.1%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	620	564	606	555	705
Giá vốn hàng bán	306	265	287	268	360
Lợi nhuận gộp	314	299	318	287	345
Doanh thu HĐTC	5.48	4.85	5.26	6.49	6.20
Chi phí TC	2.29	0.52	2.09	2.46	2.87
Chi phí lãi vay	0.97	0.64	1.34	1.85	1.70
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	157	166	142	156	186
Chi phí QLDN	68.6	82.4	77.2	74.4	76.9
LN thuần từ HĐKD	91.9	54.7	102	60.1	85.8
Lợi nhuận khác	-0.84	-0.01	0.55	0.28	5.55
LN trước thuế	91.0	54.7	103	60.4	91.3
Lợi nhuận sau thuế	72.3	43.7	81.3	47.7	74.8
LNST của CĐ cty mẹ	67.5	38.2	79.4	41.7	69.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	73.8	76.6	184	-49.1	128
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	18.4	-83.6	-81.4	-5.06	28.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-53.4	-21.4	-71.7	-66.4	56.8
Tiền đầu kỳ	167	206	178	208	87.8
Lưu chuyển tiền thuần	38.8	-28.3	30.6	-121	213
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	-0.11	0.15	0.10	-0.24
Tiền cuối kỳ	206	178	208	87.8	301

(Nguồn: fireant.vn)